

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**Số: 2313/BGDĐT-KHTC**

*V/v báo cáo kết quả giám sát tài chính năm 2020 đối với các doanh nghiệp thuộc Bộ GDĐT*

*Hà Nội, ngày 03 tháng 06 năm 2021*

**Kính gửi: Bộ Tài chính**

Phúc đáp Công văn số 4779/BTC-TCĐN ngày 12/05/2021 của Bộ Tài chính về việc thực hiện báo cáo giám sát tài chính đối với doanh nghiệp năm 2020, Bộ Giáo dục và Đào tạo báo cáo như sau:

Thực hiện Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ, Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ, Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan; Đồng thời căn cứ tình hình thực tế và báo cáo của doanh nghiệp, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổng hợp báo cáo kết quả giám sát tài chính năm 2020 đối với các doanh nghiệp trực thuộc theo Phụ lục đính kèm.

Đề nghị Quý Bộ tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Cục CNTT (để thực hiện đăng công khai trên cổng thông tin của Bộ GDĐT);
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Phạm Ngọc Thưởng**

## **PHỤ LỤC**

### **BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH NĂM 2020 CÁC DOANH NGHIỆP TRỰC THUỘC BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

*(Kèm Công văn số 2313/BGDĐT-KHTC ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Bộ GDĐT)*

Thực hiện Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ (NĐ 87), Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ, Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung. Đồng thời căn cứ tình hình thực tế và báo cáo của doanh nghiệp, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) báo cáo kết quả giám sát tài chính năm 2020 của các doanh nghiệp trực thuộc như sau:

#### **I. Đối với doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ**

Bộ GDĐT có 01 doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (NXBGDVN).

##### **1. Về giám sát tài chính**

##### **1.1. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn: (Phụ lục 02 đính kèm)**

###### **a) Số liệu vốn điều lệ hằng năm.**

- Việc đầu tư vốn nhà nước vào NXBGDVN: Ngày 25/6/2015, Bộ GDĐT có Quyết định số 2197/QĐ-BGDĐT về việc điều chỉnh vốn điều lệ của NXBGDVN giai đoạn 2014-2016, từ 559 tỷ đồng lên 596 tỷ đồng. Nguồn bổ sung vốn điều lệ từ Quỹ đầu tư và phát triển của doanh nghiệp.

Quá trình điều chỉnh vốn điều lệ trên thực tế như sau (số liệu thời điểm 31/12 hằng năm):

- + Năm 2014: 396.884 triệu đồng.
- + Năm 2015: 578.211 triệu đồng (tăng 181.326 triệu đồng, trong đó Quỹ đầu tư phát triển là 8.417 triệu đồng, Nguồn khác: 101.175 triệu đồng).
- + Năm 2016: 577.902 triệu đồng (giảm 308,8 triệu đồng).
- + Năm 2017: 577.902 triệu đồng.
- + Năm 2018: 596.000 triệu đồng (tăng 18.098 triệu đồng từ Quỹ đầu tư phát triển doanh nghiệp).

+ Năm 2019: 596.000 triệu đồng.

+ Năm 2020: 596.000 triệu đồng.

*b) Kết quả kinh doanh tại thời điểm 31/12/2020:*

- Vốn chủ sở hữu: 799.241 triệu đồng (Vốn góp chủ sở hữu: 596.000 triệu đồng; Quỹ đầu tư phát triển: 116.817 triệu đồng).

thuế  
Tổng tài sản : 1.466.519 triệu đồng.  
Lợi nhuận sau : 107.128 triệu đồng.

- Hiệu quả sử dụng vốn:

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu (ROE): 15,6%

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản (ROA): 7,3%

Từ các chỉ tiêu trên cho thấy NXBGDVN đã bảo toàn vốn.

## **1.2. Về quản lý sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp**

*a. Tình hình đầu tư dự án:* NXBGDVN không đầu tư vào dự án.

*b. Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp (Phụ lục 03 đính kèm).*

Tại thời điểm ngày 31/12/2021, NXBGDVN thực hiện đầu tư góp vốn vào 40 đơn vị, tổng giá trị đầu tư: 491,7 tỷ đồng, trong đó:

+ Công ty con: 7 đơn vị, tổng giá trị đầu tư: 101,7 tỷ đồng

+ Công ty liên kết: 26 đơn vị, tổng giá trị đầu tư: 293,7 tỷ đồng

+ Đầu tư khác: 7 đơn vị, tổng giá trị đầu tư: 96,3 tỷ đồng.

- NXBGDVN không tham gia góp vốn để thành lập mới doanh nghiệp.

- Hiệu quả của việc đầu tư: tổng doanh thu cổ tức ghi nhận trong năm 2020 là 41,8 tỷ đồng, tổng giá trị vốn đầu tư 491,7 tỷ đồng, tỉ suất lợi nhuận bình quân thu được trên tổng số vốn đầu tư đạt 8,5% (cao hơn lãi suất tiền gửi tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, kì hạn 1 năm là: 5,6%). Trong đó:

+ Hiệu quả đầu tư vốn tại Công ty con: tổng cổ tức nhận được 9,52 tỷ đồng, tổng giá trị vốn đầu tư 101,74 tỷ đồng, tỉ suất lợi nhuận bình quân thu được trên tổng số vốn đầu tư đạt 9,4%.

+ Hiệu quả đầu tư vốn tại Công ty liên kết: tổng cổ tức nhận được 31,78 tỉ đồng, tổng giá trị vốn đầu tư 293,67 tỉ đồng, tỉ suất lợi nhuận bình quân thu được trên tổng số vốn đầu tư đạt 10,8%.

+ Hiệu quả đầu tư tài chính: tổng cổ tức nhận được 0,56 tỉ đồng, tổng giá trị vốn đầu tư 96,32 tỉ đồng, tỉ suất lợi nhuận bình quân thu được trên tổng số vốn đầu tư đạt 0,6%.

- Công tác thoái vốn: Bộ GDĐT có Quyết định số 948/QĐ-BGDĐT ngày 11/4/2019 phê duyệt phương án cơ cấu lại NXBGDVN giai đoạn 2019-2022. Trong năm 2020, NXBGDVN đã thoái vốn thành công tại 01 đơn vị sau:

| STT | Tên đơn vị                        | Số tiền NXB thực góp (triệu đồng) | Thu được (triệu đồng) | Lãi /lỗ (triệu đồng) |
|-----|-----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|----------------------|
| 1   | Công ty CP Đầu tư & PTCN Văn Lang | 1.080                             | 1.479,6               | 399,6                |
|     | <b>Tổng cộng</b>                  | <b>1.080</b>                      | <b>1.479,6</b>        | <b>399,6</b>         |

Tính đến thời điểm hiện nay, NXBGDVN đã thoái vốn thành công tại 10/24 doanh nghiệp phải thoái vốn toàn bộ và 01/03 doanh nghiệp phải thoái vốn một phần. Công tác thoái vốn của NXBGDVN tại một số đơn vị có hiệu quả kinh doanh kém gặp rất nhiều khó khăn do:

- Không được nhà đầu tư quan tâm (vì giá khởi điểm không hấp dẫn, giá thẩm định cao hơn nhiều giá trị sổ sách và giá đang giao dịch trên thị trường và do dịch bệnh Covid 19 ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng).

- Quy trình, thủ tục thoái vốn mất nhiều thời gian do theo quy định gồm nhiều bước, nhiều thủ tục, cần thu thập nhiều thông tin báo cáo, số liệu, tài liệu về công ty cổ phần để phục vụ các nội dung quy định, trong khi chứng thư thẩm định giá có hiệu lực 6 tháng nếu thực hiện đầy đủ các phương thức thoái vốn thì NXBGDVN có thể sẽ phải thẩm định lại, tốn kém chi phí.

- Nhiều công ty cổ phần thuộc diện NXBGDVN thoái vốn không hợp tác do tỷ lệ góp vốn của NXBGDVN thấp, dẫn đến thời gian thu thập hồ sơ, tài liệu, thông tin bị kéo dài và gặp rất nhiều khó khăn.

- Ngày 30/11/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 140/2020/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018, trong đó có sửa đổi một số điều liên quan đến thoái vốn nên NXBGDVN phải chờ hướng dẫn của Bộ Tài chính để đảm bảo triển khai đúng các quy định hiện hành của pháp luật.

### *c. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động*

- Tổng số vốn đã huy động trong năm 2020:

+ Vay ngắn hạn: 975 tỉ đồng. Trong đó: Vay các tổ chức tín dụng: 975 tỉ đồng.

+ Vay dài hạn tổ chức tín dụng: 20,57 tỉ đồng.

- Tình hình sử dụng vốn huy động: đáp ứng kịp thời vốn để thanh toán tiền mua giấy, thanh toán tiền công in, vật tư (thùng carton, tem chống giả), thực hiện đề án biên soạn SGK mới, chi sửa chữa và cải tạo văn phòng làm việc, thanh toán lương, bảo hiểm cho cán bộ công nhân viên và các khoản chi tiêu thường xuyên khác...

- Việc sử dụng vốn và hiệu quả mang lại: số dư vốn huy động thời điểm 31/12/2020: 479,8 tỉ đồng. NXBGDVN đã sử dụng các khoản vốn vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo tính ổn định, hiệu quả.

+ Về tình hình khoản vay Ngân hàng Thế giới: Khoản vốn vay của NXBGDVN thuộc khoản vay của Chính phủ Việt Nam theo Hiệp định tín dụng phát triển với WB để đầu tư cho Dự án Giáo dục Tiểu học; Dự án Giáo dục Tiểu học (CV 2584-VN) do Chính phủ Việt Nam ký với Ngân hàng Thế giới năm 1993 để hỗ trợ cho việc phát triển giáo dục tại Việt Nam. Dự án vay vốn WB với số vốn vay là 70 triệu USD.

Trong dự án Giáo dục Tiểu học có hạng mục: “Nâng cao chất lượng và hiệu quả của giáo dục tiểu học”, vốn đầu tư khoảng 10 triệu USD giao cho NXBGDVN và các nhà thầu tổ chức việc in ấn và vận chuyển SGK; hỗ trợ NXBGDVN nâng cao năng lực sản xuất với 600 ngàn USD đầu tư thiết bị, nâng cao năng lực quản lý bằng việc hỗ trợ tư vấn kỹ thuật và cử cán bộ đi nghiên cứu học tập ở nước ngoài khoảng 500 ngàn USD. Thời hạn hoàn trả vốn vay là năm 2010.

Tại Công văn số 855/BTC-TCĐN ngày 19/01/2016 của Bộ Tài chính trả lời Bộ GDĐT và NXBGDVN đồng ý gia hạn vốn vay WB cho NXB, cụ thể: số tiền vay gia hạn **82,8 tỷ đồng**; Thời gian gia hạn vốn vay: 5 năm, từ 2016 **đến hết năm 2020**. Lãi suất vốn vay theo Lãi suất cho vay tín dụng đầu tư của Nhà nước 8,55%. Hằng năm NXB có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài chính, Bộ GDĐT về thực hiện quản lý, sử dụng, hoàn trả vốn vay và nộp khoản lãi theo quy định.

Năm 2018: NXBGDVN đã nộp tiền lãi và gốc vay WB về NSNN với tổng số tiền 15.017.106.571 đồng (tiền gốc là 11.951.537.263 đồng, tiền lãi là 3.065.569.308 đồng. Năm 2019: NXBGDVN đã nộp tiền lãi và gốc vay WB về NSNN với tổng số tiền: 13.995.250.135 đồng (tiền gốc: 11.951.537.263 đồng, tiền lãi: 2.043.712.872 đồng). NXBGDVN đã có Công văn số 134/NXBGDVN ngày 03/2/2020 gửi Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ) báo cáo kết quả trả tiền lãi và gốc vay.

#### *d. Tình hình quản lý tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả*

- NXBGDVN đã ban hành Quyết định số 476/QĐ-HĐTV ngày 09/8/2018 về việc ban hành quy chế quản lý tài sản cố định của NXBGDVN để quản lý, sử dụng đối với tài sản, nhà cửa, công trình kiến trúc, phương tiện vận tải, máy móc thiết bị.

Việc lập, quản lý hồ sơ về tài sản của đơn vị về cơ bản đã tuân thủ trình tự báo cáo, kê khai theo quy định tại Thông tư số 09/2012/TT-BTC về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

- Việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định tại đơn vị thực hiện đúng theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013.

- Việc thực hiện Quy chế quản lý nợ tại doanh nghiệp: NXBGDVN đã xây dựng và thực hiện theo Quyết định số 462/QĐ-HĐTV ngày 14/8/2019. Hàng quý đơn vị đã thực hiện rà soát, đối chiếu công nợ và trích lập dự phòng công nợ theo đúng quy định hiện hành.

- Tình hình nợ phải thu đến kỳ báo cáo: tổng số nợ phải thu đến 31/12/2020 là 136,6 tỉ đồng. Trong đó chủ yếu là các khoản trả trước tiền mua nguyên vật liệu giấy cho nhà cung cấp, ứng trước tiền giấy, công in cho nhà in sách, phải thu của khách hàng... Đây là các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán theo hợp đồng và có tài sản thế chấp đảm bảo. Một số khoản công nợ phải thu khó đòi được phân loại, đánh giá và trích lập dự phòng tổng lũy kế trích lập dự phòng phải thu công nợ khó đòi thời điểm 31/12/2020 là 4,3 tỉ đồng, đảm bảo an toàn tài chính.

- Tình hình nợ phải trả đến kỳ báo cáo: Tổng số công nợ phải trả đến 31/12/2020 là 667,3 tỉ đồng, trong đó nợ ngắn hạn là 589,1 tỉ đồng, nợ dài hạn là: 78,2 tỉ đồng. Đơn vị không có nợ phải trả quá hạn.

- Hằng năm NXBGDVN đều có đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán theo quy định hiện hành.

### ***1.3. Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính (Phụ lục số 04).***

- Về sản lượng sản xuất: Năm 2020, Sản lượng phát hành sách giáo khoa là 124 triệu bản, đạt 101,4 % so với kế hoạch.

- Về các chỉ tiêu tài chính:

- + Tổng doanh thu năm 2020: 1.370,4 tỉ đồng, đạt 106% so với kế hoạch Bộ GDĐT giao (Trong đó doanh thu thuần: 1.288,8 tỉ đồng, doanh thu hoạt động tài chính: 74,8 tỉ đồng, thu nhập khác: 6,8 tỉ đồng).

- + Lợi nhuận sau thuế năm 2020 là 107,1 tỉ đồng, đạt 107% so với kế hoạch Bộ GDĐT giao

- Về đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp thông qua các chỉ tiêu:

- + Khả năng sinh lời: Khả năng sinh lời: Năm 2020, NXBGDVN có tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân (ROE): 15,6% và tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)

đạt 7,3%. Tỷ suất trên cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của NXBGDVN có hiệu quả.

+ Khả năng thanh toán: Khả năng thanh toán hiện thời = Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn là 1,21 lần. Như vậy, cho thấy NXBGDVN có khả năng thanh toán được các khoản nợ đến hạn.

#### ***1.4. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:***

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước cụ thể như sau:

- Tổng số thuế năm trước chuyển sang: 4,4 tỉ đồng
- Tổng số thuế phát sinh trong năm: 50,4 tỉ đồng
- Tổng số thuế đã nộp trong năm: 46,7 tỉ đồng
- Tổng số thuế còn phải nộp chuyển sang năm sau: 8,2 tỉ đồng
- NXBGDVN đã thực hiện nộp phần lợi nhuận còn lại sau phân phối các quỹ theo quy định về NSNN, số tiền: 64,6 tỉ đồng. Như vậy, tổng số tiền NXBGDVN đã nộp về NSNN trong năm 2020: 111,3 tỉ đồng

#### ***1.5. Tình hình chấp hành chế độ chính sách và pháp luật***

Trong năm 2020, NXBGDVN đã chấp hành các văn bản về Quy chế quản lý tài chính và chính sách thuế, chính sách tiền lương cụ thể như sau:

- Đã thực hiện kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Tiếp tục thực hiện Quyết định số 1068/QĐ-BGDĐT ngày 22/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về phê duyệt Quy chế quản lý tài chính của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

#### ***1.6. Tình hình thực hiện việc cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp***

Thực hiện chủ trương tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2016-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 707/QĐ-TTg ngày 25/5/2017, Bộ GDĐT đã chỉ đạo NXBGDVN lập kế hoạch tái cơ cấu lại NXBGDVN, kế hoạch và lộ trình thoái vốn giai đoạn 2018-2022 theo định hướng như sau: (i) Thoái toàn bộ vốn tại các đơn vị ngoài ngành nghề kinh doanh chính, các đơn vị hoạt động không hiệu quả, cổ tức thấp hoặc không chi trả cổ tức; (ii) Tập trung củng cố, tăng tỷ lệ sở hữu tại các đơn vị trọng yếu, quan trọng của hệ thống.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có Quyết định số 948/QĐ-BGDĐT ngày 11/9/2019 về việc phê duyệt Phương án cơ cấu lại NXBGDVN giai đoạn 2019 - 2022. Đồng thời Bộ GDĐT đã có nhiều văn bản đôn đốc NXBGDVN khẩn trương thực hiện tái cấu trúc theo phương án được Bộ

phê duyệt, thực hiện rà soát, sắp xếp tinh gọn đầu mối nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, người lao động (Công văn số 1451/BGDDĐT-KHTC ngày 08/4/2019, số 2936/BGDDĐT-KHTC ngày 11/7/2019; Công văn số 4401/BGDDĐT-KHTC ngày 26/9/2019; Công văn số 329/BGDDĐT-KHTC ngày 21/01/2021).

Năm 2020, NXBGDVN tiếp tục triển khai thực hiện thoái vốn theo phương án đã được phê duyệt, cụ thể như sau:

NXBGDVN đã triển khai các thủ tục thoái vốn và công bố thông tin (CBTT) theo quy định hiện hành của pháp luật, đảm bảo tính công khai, minh bạch, CBTT thoái đúng số lượng cổ phần tại 07 Công ty thuộc danh mục đề án đã được Bộ GDĐT phê duyệt tại Quyết định số 948/QĐ-BGDDĐT ngày 11/4/2019, kết quả chi tiết như sau:

+ CTCP Sách dân tộc: Ngày 16/3/2020, NXBGDVN đã công bố thông tin chào bán cạnh tranh 40.000 cổ phần (giá khởi điểm = 19.600đ/CP) nhưng không có nhà đầu tư đăng ký tham gia nên không đủ điều kiện tổ chức chào bán cạnh tranh vào ngày 6/4/2020 và không đủ điều kiện để thực hiện phương thức chào bán thỏa thuận theo quy định.

+ CTCP Tập đoàn Tân Mai: Ngày 06/4/2020, NXBGDVN đã công bố thông tin chào bán cạnh tranh 7.216.576 CP thông qua Sở GDCK Hà Nội (giá khởi điểm: 11.500đ/CP), kết quả là không có nhà đầu tư đăng ký tham gia nên phiên chào bán cạnh tranh vào ngày 29/4/2020 không đủ điều kiện tổ chức và do vậy không đủ điều kiện để thực hiện phương thức chào bán thỏa thuận theo quy định.

+ CTCP Sách TBTH Ninh Thuận: Ngày 09/4/2020, NXBGDVN đã công bố thông tin đấu giá theo lô 5.000 CP (giá khởi điểm: 35.100đ/CP), kết quả là không có nhà đầu tư đăng ký tham gia nên không đủ điều kiện tổ chức đấu giá theo lô vào ngày 29/4/2020. NXBGDVN đã có văn bản báo cáo Bộ Tài chính, đồng thời xin ý kiến chỉ đạo của Bộ liên quan đến việc có tiếp tục thực hiện chào bán cạnh tranh không do chứng thư thẩm định đã hết hiệu lực.

+ CTCP Sách Giáo dục TP.HCM (SGD): Ngày 29/9/2020 đơn vị thẩm định đã phát hành chứng thư thẩm định số 290901/2020/CTTĐG-NVC về việc thẩm định giá cổ phần của NXBGDVN tại CTCP SGD tại TP.HCM thời điểm 30/6/2020 với mức giá khởi điểm là 18.978 đồng/cổ phần. Đơn vị tư vấn thoái vốn (VietinbankSC) và NXBGDVN đã liên lạc trao đổi qua điện thoại, qua email rất nhiều lần và gửi công văn đề nghị phối hợp cung cấp tài liệu để hoàn thiện bản Công bố thông tin nhưng tiến độ phối hợp của SGD rất chậm nên ảnh hưởng tới tiến độ xây dựng hồ sơ thoái vốn nên NXBGDVN mới gửi hồ sơ lên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội để công bố thông tin thực hiện thoái vốn. Đến ngày 2/3/2021, NXBGDVN nhận được công văn số 291/SGDHN-BĐG ngày 26/2/2021 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội phản hồi về việc bán đấu giá cổ phần thuộc sở hữu của NXBGDVN tại Công ty CP Sách giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh, trong đó, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đề nghị NXBGDVN rà soát hồ sơ thoái vốn theo Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 và chờ hướng dẫn của Bộ Tài chính về quy chế mẫu bán đấu giá công khai.

+ CTCP In SGK Hòa Phát (HTP): Do tình hình dịch bệnh, bão lũ khu vực miền Trung trong năm 2020 vô cùng phức tạp nên ảnh hưởng tới tiến độ thẩm định giá trị cổ phần tại In SGK Hòa Phát, đến ngày 1/12/2020 đơn vị thẩm định đã phát hành chứng thư thẩm định số 011201/2020/CTTĐG-NVC về việc thẩm định giá cổ phần của NXBGDVN tại CTCP In Sách giáo khoa Hòa Phát thời điểm 30/9/2020 với mức giá khởi điểm là 49.645 đồng/cổ phần. NXBGDVN đã phối hợp cùng với đơn vị tư vấn đề thu thập hồ sơ tài liệu phục vụ thoái vốn, đồng thời, ngày 21/12/2020, NXBGDVN đã gửi công văn số 2394/NXBGDVN đến Bộ Tài chính đề nghị giải đáp vướng mắc khi thực hiện chuyển nhượng vốn tại CTCP In SGK Hòa Phát liên quan tới Nghị định 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020, đến nay Bộ Tài chính vẫn chưa có văn bản trả lời.

+ CTCP Sách và TBTH HCM (STC): Ngày 5/11/2020, NXBGDVN đã công bố thông tin về việc đấu giá cổ phần thông thường, đến thời hạn đăng ký, không có nhà đầu tư quan tâm nên không đủ điều kiện tổ chức đấu giá cổ phần vào ngày 25/11/2020. NXBGDVN đang triển khai các thủ tục chào bán cạnh tranh đồng thời gửi công văn số 2422/NXBGDVN ngày 25/12/2020 tới Bộ Tài chính đề nghị hướng dẫn về Nghị định 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 liên quan đến vấn đề thoái vốn nhưng đến nay chưa có văn bản phản hồi.

+ CTCP Đầu tư & PTCN Văn Lang (VLA): Ngày 7/12/2020, NXBGDVN đã đấu giá thành công 108.000 cổ phần của CTCP Đầu tư và PTCN Văn Lang, thu hồi về được số vốn đầu tư ban đầu (1,08 tỉ đồng) và khoản chênh lệch xấp xỉ 400 triệu đồng. Ngày 16/12/2020, NXBGDVN đã nhận được khoản tiền nhà đầu tư thanh toán và ký hợp đồng chuyển nhượng với Nhà đầu tư. Ngày 18/12/2020, NXBGDVN gửi hồ sơ cho Trung tâm lưu ký chứng khoán (VSD) để chuyển nhượng quyền sở hữu cổ phần, đồng thời CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công thương đã phong tỏa mã chứng khoán VLA. Ngày 30/12/2020, NXBGDVN có công văn số 2442/NXBGDVN yêu cầu VSD thực hiện chuyển nhượng. Ngày 5/1/2021, VSD đã chấp thuận việc chuyển nhượng. NXBGDVN đã hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng và báo cáo theo quy định.

***1.8. Thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp trách nhiệm và quyền lợi khác đối với người lao động, người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp:***

Bộ GDĐT đã ban hành Quyết định số 3248/QĐ-BGDĐT ngày 30/10/2020 phê duyệt Quỹ tiền lương, thù lao, kế hoạch năm 2020 đối với viên chức quản lý của NXBGDVN. Đồng thời có Công văn số 329/BGDĐT-KHTC ngày 21/01/2021 đề nghị NXBGDVN rà soát, hoàn thiện Quy chế chi trả tiền lương, tiền công của cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định tại Nghị định số 51/2016/NĐ-CP, Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ.

- Tổng tiền lương năm 2020 : 83,085 tỷ đồng, trong đó:

+ Quỹ lương cho cán bộ công nhân viên: 78 tỷ đồng

+ Quỹ lương cho người quản lý DN : 5,085 tỷ đồng

## **II. Đối với các doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc Bộ GDĐT**

Bộ GDĐT có 03 doanh nghiệp có vốn góp nhà nước, bao gồm: Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) 2 thành viên Tư vấn Đại học Xây dựng, trong đó vốn Nhà nước 51% và vốn góp 49%; Công ty TNHH 2 thành viên Tư vấn Triển khai công nghệ và Xây dựng mỏ - địa chất, trong đó vốn Nhà nước 60% và vốn góp 40%; Công ty Tư vấn Triển khai công nghệ và Xây dựng giao thông, trong đó vốn Nhà nước 88,3 % và vốn góp 11,7 %. Các doanh nghiệp này trước đây là doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong các cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu (được thành lập theo Quyết định số 68/1998/QĐ-TTg ngày 27/3/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc cho phép thí điểm thành lập doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong các cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu. Theo Quyết định số 1889/QĐ-TTg ngày 31/12/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc “Phê duyệt phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Bộ GD&ĐT giai đoạn 2008-2010” thì 03 doanh nghiệp này được chuyển đổi tổ chức và hoạt động theo hình thức doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định tại Nghị định số 80/2007/NĐ-CP ngày 19/5/2007 của Chính phủ.

### **1. Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) 2 thành viên Tư vấn Đại học Xây dựng**

#### **1.1 Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:**

- Vốn chủ sở hữu thời điểm 31/12/2019: 23.495 triệu đồng (*Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 14.171,7 triệu đồng, Quỹ đầu tư phát triển: 3.468 triệu đồng, Quỹ khác: 1.732 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 4.123 triệu đồng*).

- Vốn chủ sở hữu thời điểm 31/12/2020: 25.422 triệu đồng (*Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 14.171,7 triệu đồng, Quỹ đầu tư phát triển: 3.867,8 triệu đồng, Quỹ khác: 1.931,9 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 5.450 triệu đồng*).

Như vậy, vốn chủ sở hữu tăng so với thời điểm 31/12/2019, đơn vị bảo toàn và phát triển vốn.

#### **1.2. Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính**

- Về các chỉ tiêu tài chính:

Tổng doanh thu năm 2020: 134.823 triệu đồng (Trong đó doanh thu thuần: 130.800 triệu đồng, doanh thu hoạt động tài chính: 1.437 triệu đồng, thu nhập khác: 2.586 triệu đồng)

- Tổng tài sản: 170.143 triệu đồng

- Lợi nhuận sau thuế: 3.781 triệu đồng

- Về đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp thông qua các chỉ tiêu:

+ Khả năng sinh lời: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE): 14,9% và tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) đạt 2,2%. Từ các chỉ tiêu trên cho thấy doanh nghiệp đã bảo toàn vốn

+ Khả năng thanh toán: Khả năng thanh toán hiện thời = Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn là 1,03 lần. Như vậy, cho thấy DN có khả năng thanh toán nợ ngắn hạn.

### **1.3. Về quản lý sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp**

a. Tình hình đầu tư dự án: không có

b. Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp:

Thời điểm 31/12/2020 công ty có góp vốn tại 03 đơn vị:

(1) Công ty cổ phần đầu tư và phát triển công nghệ Đại học giao thông vận tải (giá trị vốn góp 2,5 tỷ đồng, chiếm 25% vốn điều lệ là 10 tỷ đồng)

(2) Công ty TNHH tư vấn xây dựng Nhật - Việt (giá trị vốn góp 2,3 tỷ đồng, chiếm 30% vốn điều lệ là 7,3 tỷ đồng)

(3) Đầu tư tài chính vào Công ty CP tư vấn thiết kế xây dựng và công nghệ Lilama 500 triệu đồng (tỷ lệ sở hữu 11,36%).

**1.4. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:** Tổng số liệu thuế GTGT, TNDN, thuế TNCN và các khoản phí, lệ phí khác phải nộp ngân sách nhà nước như sau:

- Tổng số thuế năm trước chuyển sang: 1.447 triệu đồng
- Tổng số thuế phát sinh trong kỳ: 15.568 triệu đồng
- Tổng số thuế đã nộp trong kỳ: 15.285 triệu đồng
- Tổng số thuế còn phải nộp chuyển sang kỳ sau: 1.729 triệu đồng

**1.5. Phân phối lợi nhuận và trích lập, sử dụng quỹ:** Số liệu theo báo cáo tài chính như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển tăng trong năm 2020: 400 triệu đồng
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu: 200 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 5.451,6 triệu đồng (phân phối kỳ sau).

### **1.6. Tình hình chấp hành chế độ chính sách và pháp luật**

Bộ GDĐT đã có Công văn số 3206/BGDĐT-KHTC ngày 13/8/2020 đề nghị các doanh nghiệp trực thuộc Bộ GDĐT nộp báo cáo đúng thời hạn quy định để kịp thời tổng hợp, báo cáo Bộ Tài chính. Doanh nghiệp đã gửi Báo cáo tài chính năm 2020 được kiểm toán độc lập và Báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp năm 2020 về Bộ GDĐT.

## **2. Công ty TNHH 2 thành viên Tư vấn Triển khai công nghệ và Xây dựng mô - địa chất**

### **2.1. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:**

- Vốn chủ sở hữu thời điểm 31/12/2019: 4.7501 triệu đồng (vốn chủ sở hữu: 4.631 triệu đồng; Quỹ đầu tư phát triển: 60 triệu đồng; Quỹ khác: 60 triệu đồng).
- Vốn chủ sở hữu thời điểm 31/12/2020: 4.799 triệu đồng (vốn chủ sở hữu: 4.631 triệu đồng; Quỹ đầu tư phát triển: 84 triệu đồng; Quỹ khác: 84 triệu đồng).

Doanh nghiệp bảo toàn vốn chủ sở hữu.

### **2.2. Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính**

- Về các chỉ tiêu tài chính:
  - + Tổng doanh thu năm 2020: 39.545 triệu đồng (Trong đó doanh thu thuần: 39.540 triệu đồng, doanh thu hoạt động tài chính: 5,3 triệu đồng, thu nhập khác: 0 đồng)
  - + Tổng tài sản: 44.445 triệu đồng
  - + Lợi nhuận sau thuế: 345 triệu đồng
- Về đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp thông qua các chỉ tiêu:
  - + Khả năng sinh lời: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE): 7% và tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) đạt 1%.

Từ các chỉ tiêu trên cho thấy doanh nghiệp đã bảo toàn vốn nhưng hiệu quả sử dụng vốn còn thấp do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 nên các hoạt động tư vấn cũng sụt giảm dẫn tới hiệu quả sử dụng vốn thấp.

- + Khả năng thanh toán: Khả năng thanh toán hiện thời = Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn là 1,12 lần. Như vậy, cho thấy DN có khả năng thanh toán được các khoản nợ đến hạn.

### **2.3. Về quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp**

a. Tình hình đầu tư dự án: không có

b. Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp: không có

**2.4. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:** Tổng số liệu thuế GTGT, TNDN, thuế TNCN và các khoản phí, lệ phí khác phải nộp ngân sách nhà nước như sau:

- Tổng số thuế năm trước chuyển sang: 942 triệu đồng
- Tổng số thuế phát sinh trong kỳ: 4.147 triệu đồng
- Tổng số thuế đã nộp trong kỳ: 4.385 triệu đồng
- Tổng số thuế còn phải nộp chuyển sang kỳ sau: 1.164 triệu đồng

**2.5. Phân phối lợi nhuận và trích lập, sử dụng quỹ:** Thực hiện phân phối lợi nhuận như sau:

- Quỹ phát triển sản xuất (7% lợi nhuận sau thuế: 24,2 triệu đồng)
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (7% lợi nhuận sau thuế): 24,2 triệu đồng
- Quỹ khen thưởng (10% lợi nhuận sau thuế): 34,5 triệu đồng
- Quỹ phúc lợi (6% lợi nhuận sau thuế): 20,7 triệu đồng
- Chia cho các cổ đông theo tỷ lệ vốn góp: 241,9 triệu đồng.

### **2.6. Tình hình chấp hành chế độ chính sách và pháp luật**

Bộ GDĐT đã có Công văn số 3206/BGDĐT-KHTC ngày 13/8/2020 đề nghị các doanh nghiệp trực thuộc Bộ GDĐT nộp báo cáo đúng thời hạn quy định để kịp thời tổng hợp, báo cáo Bộ Tài chính. Doanh nghiệp đã gửi Báo cáo tài chính năm 2020 về Bộ GDĐT.

## **3. Công ty Tư vấn Triển khai công nghệ và Xây dựng giao thông**

### **3.1. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:**

- Vốn chủ sở hữu thời điểm 31/12/2019: 5.100 triệu đồng (vốn chủ sở hữu: 4.366 triệu đồng; Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 734,8 triệu đồng).
- Vốn chủ sở hữu thời điểm 31/12/2020: 4.413 triệu đồng (vốn chủ sở hữu: 4.366 triệu đồng; Lợi nhuận chưa phân phối: 47,6 triệu đồng).

### **3.2. Về quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp**

a. Tình hình đầu tư dự án: không có

b. Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp: không có

### **3.3. Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính**

- Về các chỉ tiêu tài chính:

+ Tổng doanh thu năm 2020: 19.314,3 triệu đồng (Trong đó doanh thu thuần: 18.931 triệu đồng, doanh thu hoạt động tài chính: 3,3 triệu đồng, thu nhập khác: 380 triệu đồng)

+ Tổng tài sản: 10.157 triệu đồng

+ Lợi nhuận sau thuế: 47,6 triệu đồng

- Về đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp thông qua các chỉ tiêu:

+ Khả năng sinh lời: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE): 0,2% và tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) đạt 0,5%. Tỷ suất trên cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của DN có hiệu quả, tuy nhiên hiệu quả sử dụng vốn còn thấp.

+ Khả năng thanh toán: Khả năng thanh toán hiện thời = Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn là 1,7 lần. Như vậy, cho thấy DN có khả năng thanh toán được các khoản nợ đến hạn.

**3.4. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:** Số liệu theo báo cáo quyết toán thuế TNDN năm 2020 như sau:

- Tổng số thuế TNDN phải nộp: 146 triệu đồng.

- Tổng số thuế TNDN đã tạm nộp: 280 triệu đồng.

- Tổng số thuế còn phải nộp chuyển sang kỳ sau: 0 đồng

### **3.5. Tình hình chấp hành chế độ chính sách và pháp luật:**

Bộ GDĐT đã có Công văn số 3206/BGDĐT-KHTC ngày 13/8/2020 đề nghị các doanh nghiệp trực thuộc Bộ GDĐT nộp báo cáo đúng thời hạn quy định để kịp thời tổng hợp, báo cáo Bộ Tài chính. Doanh nghiệp đã gửi Báo cáo tài chính năm 2020 về Bộ GDĐT.

## **III. Kiến nghị, đề xuất của Bộ GDĐT**

Hiện nay, ngành giáo dục đang thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014. Theo đó, các tổ chức, cá nhân được khuyến khích tham gia biên soạn, phát hành sách giáo khoa.

Để tạo đẩy mạnh chủ trương xã hội hóa biên soạn, phát hành sách giáo khoa theo Nghị quyết số 88/2014/QH13, Bộ GDĐT kiến nghị Bộ Tài xem xét, tổng hợp với cơ quan có thẩm quyền sửa đổi chính sách thuế giá trị gia tăng (GTGT) đối với sách giáo khoa như sau:

- Tại Khoản 15, Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế GTGT quy định: “Sách giáo khoa là mặt hàng không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT” nên toàn bộ phần thuế GTGT của các chi phí đầu vào (vật tư, in ấn, vận chuyển...) để sản xuất ra sách giáo khoa được tập hợp và hạch toán vào giá vốn sách giáo khoa.

Đề nghị Bộ Tài chính xem xét, báo cáo cơ quan có thẩm quyền sửa đổi Luật thuế GTGT theo hướng đưa sách giáo khoa thuộc đối tượng chịu thuế suất GTGT mức 0%. Việc áp dụng thuế suất GTGT mức 0% làm giảm giá bán sách giáo khoa (do phần thuế GTGT đầu vào sẽ được khấu trừ và không phải tính vào giá vốn), giảm gánh nặng cho người tiêu dùng là học sinh, giáo viên, phụ huynh học sinh và góp phần bảo đảm an sinh xã hội.

Trên đây là báo cáo kết quả giám sát tài chính năm 2020 của các doanh nghiệp thuộc Bộ GDĐT gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.



## PHỤ LỤC 02

### TÌNH HÌNH BẢO TOÀN VÀ PHÁT TRIỂN VỐN NĂM 2020 CỦA NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

(Kèm Công văn số 2313/BGDĐT-KHTC ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Bộ GDĐT)

| STT | Chỉ tiêu                                             | Mã chỉ tiêu | Đơn vị tính | Số tiền                  |
|-----|------------------------------------------------------|-------------|-------------|--------------------------|
| 1   | <b>Vốn chủ sở hữu</b>                                | <b>410</b>  | <b>đồng</b> | <b>778.024.027.215</b>   |
|     | - Vốn góp của chủ sở hữu                             |             | đồng        | 596.000.000.000          |
|     | - Quỹ đầu tư phát triển                              |             | đồng        | 116.816.980.472          |
|     | - Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản                   |             | đồng        | -                        |
| 2   | <b>Vốn chủ sở hữu bình quân</b>                      |             | <b>đồng</b> | <b>685.752.131.919</b>   |
| 3   | <b>Tổng Tài sản</b>                                  | <b>270</b>  | <b>đồng</b> | <b>1.466.518.126.251</b> |
| 4   | <b>Lợi nhuận sau thuế</b>                            |             | <b>đồng</b> | <b>107.127.666.586</b>   |
| 5   | <b>Hiệu quả sử dụng vốn</b>                          |             |             |                          |
|     | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu BQ (ROE) |             | %           | 15,6%                    |
|     | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản (ROA)     |             | %           | 7,3%                     |

### PHỤ LỤC 03

#### HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ VỐN NĂM 2020 TẠI CÁC CÔNG TY CỔ PHẦN CÓ VỐN GÓP CỦA NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

(Kèm Công văn số 2313/BGDDĐT-KHTC ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Bộ GDĐT)

| STT       | Tên công ty cổ phần, công ty liên kết | Vốn điều lệ              | Tỷ lệ vốn góp của NXBGDVN (%) | Vốn góp của NXBGDVN theo Mệnh giá | Vốn góp thực tế theo sổ sách | Tỷ lệ cổ tức 2019 theo NQ ĐHCĐ | Hạch toán doanh thu tài chính năm 2020 | Tỷ lệ cổ tức 2020 theo NQ ĐHCĐ | Hạch toán doanh thu tài chính năm 2020 | Hiệu quả đầu tư vốn |
|-----------|---------------------------------------|--------------------------|-------------------------------|-----------------------------------|------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------|---------------------|
| <b>I</b>  | <b>Công ty con</b>                    | <b>1.005.331.170.000</b> |                               | <b>94.552.680.000</b>             | <b>101.739.915.840</b>       |                                | <b>9.519.798.400</b>                   |                                |                                        | <b>0,9,4%</b>       |
| 1         | Cty CP Sách & TBTH Quảng Trị          | 5.000.000.000            | 88,7%                         | 4.435.000.000                     | 4.435.000.000                | -                              | 0                                      |                                | 0                                      |                     |
| 2         | Cty CP Sách và TBGD Cửu Long          | 20.000.000.000           | 76,5%                         | 15.300.000.000                    | 15.300.000.000               | 10%                            | 1.530.000.000                          |                                | 0                                      |                     |
| 3         | Cty CP Sách và TBGD Miền Trung        | 20.346.000.000           | 75,2%                         | 15.300.000.000                    | 15.300.000.000               | 10%                            | 1.530.000.000                          |                                | 0                                      |                     |
| 4         | Cty CP Sách và TBGD Miền Nam          | 44.050.000.000           | 53,1%                         | 23.400.000.000                    | 23.400.000.000               | 10%                            | 2.340.000.000                          |                                | 0                                      |                     |
| 5         | Cty CP Sách và TBTH TP HCM            | 56.655.300.000           | 52,5%                         | 29.767.680.000                    | 36.954.915.840               | 13%                            | 3.869.798.400                          |                                | 0                                      |                     |
| 6         | Cty CP ĐT&PT Trường PT CN GD          | 2.450.000.000            | 51,0%                         | 1.250.000.000                     | 1.250.000.000                | 20%                            | 250.000.000                            |                                | 0                                      |                     |
| 7         | Cty CP Học liệu                       | 10.000.000.000           | 51,0%                         | 5.100.000.000                     | 5.100.000.000                |                                | 0                                      |                                | 0                                      |                     |
| <b>II</b> | <b>Công ty liên kết</b>               | <b>815.870.020.000</b>   |                               | <b>292.338.630.000</b>            | <b>293.673.726.099</b>       |                                | <b>31.309.405.320</b>                  |                                | <b>468.840.000</b>                     | <b>10,8%</b>        |
| 8         | Cty CP Sách Dân tộc                   | 10.000.000.000           | 49,0%                         | 4.900.000.000                     | 4.900.000.000                | 15%                            | 735.000.000                            |                                | 0                                      |                     |
| 9         | Cty CP in SGK tại TP.Hà Nội           | 20.959.850.000           | 49,0%                         | 10.269.760.000                    | 9.991.300.000                | 7,5%                           | 770.232.000                            |                                | 0                                      |                     |
| 10        | Cty CP Sách và TBGD Miền Bắc          | 50.000.000.000           | 46,0%                         | 23.000.000.000                    | 23.000.000.000               | 9%                             | 2.070.000.000                          |                                | 0                                      |                     |
| 11        | Cty CP Dịch vụ xuất bản GD Hà Nội     | 25.000.000.000           | 44,4%                         | 11.088.130.000                    | 11.088.130.000               | 10%                            | 1.108.813.000                          |                                | 0                                      |                     |
| 12        | Cty CP ĐT & PT GD Phương Nam          | 100.000.000.000          | 43,4%                         | 43.390.000.000                    | 43.390.000.000               | 16%                            | 6.942.400.000                          |                                | 0                                      |                     |
| 13        | Cty CP ĐT & PT GD Đà Nẵng             | 50.000.000.000           | 41,5%                         | 20.750.000.000                    | 20.562.500.000               | 15%                            | 3.112.500.000                          |                                | 0                                      |                     |
| 14        | Cty CP Sách và Thiết bị Bình Định     | 11.264.740.000           | 40,2%                         | 4.525.230.000                     | 6.295.854.199                | 7%                             | 316.766.100                            |                                | 0                                      |                     |
| 15        | Cty CP ĐT&PT                          | 150.000.000.000          | 40,2%                         | 60.246.000.000                    | 60.946.970.000               | 13%                            | 7.831.980.000                          |                                | 0                                      |                     |

|            |                                     |                        |       |                       |                       |        |                    |     |             |             |
|------------|-------------------------------------|------------------------|-------|-----------------------|-----------------------|--------|--------------------|-----|-------------|-------------|
|            | GD Hà Nội                           |                        |       |                       |                       |        |                    |     |             |             |
| 16         | Cty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận  | 11.000.000.000         | 40,0% | 4.400.000.000         | 4.457.367.000         | 10%    | 440.000.000        |     |             | 0           |
| 17         | Cty CP Sách TBTH Cần Thơ            | 4.000.000.000          | 38,3% | 1.530.000.000         | 3.991.464.000         | 20%    | 306.000.000        |     |             | 0           |
| 18         | Cty CP Đầu tư IP Việt Nam           | 162.000.000.000        | 23,5% | 38.000.000.00         | 38.000.000.00         |        | 0                  |     |             | 0           |
| 19         | Cty CP Dịch vụ xuất bản GD Đà Nẵng  | 3.997.000.000          | 37,5% | 1.500.000.000         | 1.500.000.000         | 12%    | 180.000.000        |     |             | 0           |
| 20         | Cty CP In- PHS&TBTH Quảng Nam       | 4.500.000.000          | 37,5% | 1.687.500.000         | 1.687.500.000         | 20%    | 337.500.000        |     |             | 0           |
| 21         | Cty CP Mỹ thuật & Truyền thông      | 30.600.000.000         | 37,4% | 11.444.400.000        | 10.098.000.000        | 14%    | 1.602.216.000      |     |             | 0           |
| 22         | Cty CP Dịch vụ xuất bản GD Gia Định | 10.262.000.000         | 36,5% | 3.750.000.000         | 3.750.000.000         | 12%    | 450.000.000        |     |             | 0           |
| 23         | Cty CP In SGK tại TPHCM             | 12.869.840.000         | 32,3% | 4.151.700.000         | 4.157.600.000         | -      | 0                  |     |             | 0           |
| 24         | Cty CP In & Dịch vụ Đà Nẵng         | 11.000.000.000         | 31,0% | 3.410.000.000         | 3.921.500.000         | 10%    | 341.000.000        |     |             | 0           |
| 25         | Cty CP Đầu tư & Xuất bản giáo dục   | 3.000.000.000          | 30,0% | 900.000.000           | 900.000.000           | 35%    | 315.000.000        |     |             | 0           |
| 26         | Cty CP SGD tại TP Đà Nẵng           | 14.986.800.000         | 29,4% | 4.407.610.000         | 4.407.610.000         | 16%    | 705.217.600        |     |             | 0           |
| 27         | Cty CP Sách & TB Bến Tre            | 4.000.000.000          | 29,4% | 1.175.000.000         | 1.665.100.000         | 6%     | 70.500.000         |     |             | 0           |
| 28         | Cty CP Sách - TBTH Tiền Giang       | 4.000.000.000          | 27,4% | 1.097.300.000         | 1.121.990.000         | 13%    | 142.649.000        |     |             | 0           |
| 29         | Cty CP SGD tại TP Hà Nội            | 102.194.840.000        | 25,4% | 25.911.000.000        | 23.017.570.000        | 10%    | 2.591.100.000      |     |             | 0           |
| 30         | Cty CP Sách Đại học - Dạy nghề      | 10.000.000.000         | 21,7% | 2.173.000.000         | 2.173.000.000         | 13%    | 282.490.000        |     |             | 0           |
| 31         | Cty CP In SGK Hoà Phát              | 18.049.800.000         | 21,1% | 3.816.000.000         | 3.816.000.000         |        | 0                  |     |             | 0           |
| 32         | Cty CP Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục | 18.600.000.000         | 21,0% | 3.907.000.000         | 3.907.000.000         | 14%    | 546.980.000        | 12% | 468.840.000 |             |
| 33         | Cty CP Sách - TBTH Điện Biên        | 4.545.000.000          | 20,0% | 909.000.000           | 927.270.900           | 12,22% | 111.061.620        |     |             | 0           |
| <b>III</b> | <b>Đầu tư tài chính</b>             | <b>992.364.530.000</b> |       | <b>84.925.770.000</b> | <b>96.315.684.800</b> |        | <b>557.656.000</b> |     |             | <b>0,6%</b> |
| 34         | Cty CP Sách&TBTH Thừa Thiên Huế     | 3.000.000.000          | 17,3% | 520.000.000           | 420.409.600           |        | 0                  |     |             | 0           |
| 35         | Cty CP Sách -                       | 20.500.000.000         | 16,7% | 3.413.860.000         | 4.063.775.000         | 10%    | 341.386.000        |     |             | 0           |

|                  |                                    |                          |       |                        |                         |          |                       |          |                    |             |
|------------------|------------------------------------|--------------------------|-------|------------------------|-------------------------|----------|-----------------------|----------|--------------------|-------------|
|                  | TBTH Hà Tây                        |                          |       |                        |                         |          |                       |          |                    |             |
| 36               | Cty CP SGD tại TP HCM              | 41.370.000.000           | 15,3% | 6.320.000.000          | 6.320.000.000           |          | 0                     |          | 0                  |             |
| 37               | Cty CP Sách - TBTH Kon Tum         | 9.000.000.000            | 13,0% | 1.172.250.000          | 1.121.193.250           | 12%      | 140.670.000           |          | 0                  |             |
| 38               | Cty CP Sách - TB Vĩnh Long         | 14.000.000.000           | 9,2%  | 1.283.900.000          | 1.348.095.000           |          | 0                     |          | 0                  |             |
| 39               | Cty CP Tập đoàn Tân Mai            | 890.915.030.000          | 8,1%  | 72.165.760.000         | 82.866.711.950          |          | 0                     |          | 0                  |             |
| 40               | Cty CP Sách & TBTH Ninh Thuận      | 2.779.500.000            | 1,8%  | 50.000.000             | 175.500.000             |          | 0                     |          | 0                  |             |
| 41               | Cty CP ĐT và PT Công nghệ Văn Lang | 10.800.000.000           | 0,0%  |                        |                         | 7%       | 75.600.000            |          | 0                  |             |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |                                    | <b>2.813.565.720.000</b> |       | <b>471.817.080.000</b> | <b>491.729.326.7390</b> | <b>0</b> | <b>41.386.859.720</b> | <b>0</b> | <b>468.840.000</b> | <b>8,5%</b> |

VBPL-TS24.COM  
www.TS24.com.vn

## PHỤ LỤC 04

### BÁO CÁO TÌNH HÌNH HUY ĐỘNG VỐN NĂM 2020 (Kèm Công văn số 2313/BGDDT-KHTC ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Bộ GDĐT)

Đvt: VND

| STT                | Ngân hàng                                         | Số vốn đã huy động tại thời điểm 1/1/2020 | Số vốn huy động trong kỳ (từ 1/1-31/12/2020) | Số vốn huy động lũy kế (từ 1/1-31/12/2020) | Số tiền trả nợ vay trong kỳ (từ 1/1-31/12/2020) | Số vốn đã huy động tại thời điểm 31/12/2020 |
|--------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------|
| (1)                | (2)                                               | (3)                                       | (4)                                          | (5) = (3) + (4)                            | (6)                                             | (7)=(5)-(6)                                 |
| <b>A. Ngắn hạn</b> |                                                   | <b>494.083.569.742</b>                    | <b>975.095.286.348</b>                       | <b>1.469.178.856.090</b>                   | <b>1.017.123.797.939</b>                        | <b>452.055.058.151</b>                      |
| 1                  | Sở Giao dịch Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam | 275.721.964.585                           | 230.991.006.118                              | 506.712.970.703                            | 299.878.522.109                                 | 206.834.448.594                             |
| 2                  | NH TMCP Quân đội - CN Hoàn Kiếm                   | 0                                         | 24.255.095.445                               | 24.255.095.445                             | 24.255.095.445                                  | 0                                           |
| 3                  | NH TMCP Công Thương VN_CN Hà Nội                  | 88.435.283.287                            | 234.360.531.578                              | 322.795.814.865                            | 274.114.737.038                                 | 48.681.077.827                              |
| 4                  | Ngân hàng ĐT&PT VN, CN Hà Thành                   | 79.249.462.458                            | 204.204.395.644                              | 283.453.858.102                            | 189.106.970.626                                 | 94.346.887.476                              |
| 5                  | Ngân hàng VIB - CN Lý Thường Kiệt                 | - HĐTD ngắn hạn                           | 0                                            | 207.859.232.914                            | 118.644.583.126                                 | 89.214.649.788                              |
|                    |                                                   | - HĐ thấu chi                             | 50.676.859.412                               | 13.471.790.887                             | 64.145.149.532                                  | 3.500.767                                   |
|                    |                                                   | - HĐ cầm cố                               | 0                                            | 36.500.000.000                             | 36.500.000.000                                  | 0                                           |
| 6                  | Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam                 | 0                                         | 23.453.233.762                               | 23.453.233.762                             | 10.478.740.063                                  | 12.974.493.699                              |
| <b>B. Dài hạn</b>  |                                                   | <b>19.283.562.510</b>                     | <b>20.572.717.812</b>                        | <b>39.856.280.322</b>                      | <b>12.051.537.263</b>                           | <b>27.804.743.059</b>                       |
| 1                  | NH Thế giới                                       | 11.951.537.263                            | 0                                            | 11.951.537.263                             | 11.951.537.263                                  | 0                                           |
| 2                  | Sở Giao dịch Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam | 6.122.125.365                             | 13.184.827.283                               | 19.306.952.648                             | 100.000.000                                     | 19.206.952.648                              |
| 3                  | Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam                 | 1.209.899.882                             | 7.387.890.529                                | 8.597.790.411                              | 0                                               | 8.597.790.411                               |
| <b>Tổng cộng</b>   |                                                   | <b>513.367.132.252</b>                    | <b>995.668.004.160</b>                       | <b>1.509.035.136.412</b>                   | <b>1.029.175.335.202</b>                        | <b>479.859.801.210</b>                      |

**PHỤ LỤC 05**

**TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2020**  
(Kèm Công văn số 2313/BGDDĐT-KHTC ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Bộ GDĐT)

Đơn vị: triệu đồng

| Nội dung                               | Năm 2018    | Năm 2019    | Năm 2020    |             | Biến động so với (%) |             |             |
|----------------------------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|----------------------|-------------|-------------|
|                                        |             |             | Kế hoạch    | Thực hiện   | Năm 2018             | Năm 2019    | KH năm 2020 |
|                                        | (1)         | (2)         | (3)         | (4)         | (5)=(4)/(1)          | (6)=(4)/(2) | (7)=(4)/(3) |
| <b>A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh</b> |             |             |             |             |                      |             |             |
| 1. Sản lượng sản xuất SGK (bản)        | 113.599.890 | 124.688.580 | 122.386.450 | 124.065.116 | 109%                 | 99%         | 101%        |
| 2. Sản lượng tiêu thụ SGK (bản)        | 113.599.890 | 124.688.580 | 122.386.450 | 124.065.116 | 109%                 | 99%         | 101%        |
| 3. Tồn kho cuối kỳ                     |             |             |             |             |                      |             |             |
| <b>B. Chỉ tiêu tài chính</b>           |             |             |             |             |                      |             |             |
| 1. DT thuần về bán hàng và CCDV        | 1.175.713   | 1.420.784   | 1.239.857   | 1.288.808   | 110%                 | 91%         | 104%        |
| 2. Giá vốn hàng bán                    | 911.816     | 1.115.703   | 913.389     | 938.527     | 103%                 | 84%         | 103%        |
| 3. LN gộp về bán hàng và CCDV          | 263.897     | 305.081     | 326.468     | 350.281     | 133%                 | 115%        | 107%        |
| 4. Doanh thu hoạt động tài chính       | 55.076      | 57.885      | 52.524      | 74.789      | 136%                 | 129%        | 142%        |
| 5. Chi phí tài chính                   | -15.890     | 13.746      | 40.460      | 69.427      |                      |             |             |

|                                            |         |         |         |         |      |      |       |
|--------------------------------------------|---------|---------|---------|---------|------|------|-------|
| 6. Chi phí bán hàng                        | 12.041  | 15.730  | 20.670  | 17.521  | 146% | 111% | 85%   |
| 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp            | 192.164 | 201.897 | 210.400 | 214.410 | 112% | 106% | 102%  |
| 8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 130.658 | 131.592 | 107.462 | 123.713 | 95%  | 94%  | 115%  |
| 9. Thu nhập khác                           | 2.909   | 3.916   | 2.222   | 6.766   | 233% | 173% | 304%  |
| 10. Chi phí khác                           | 5.418   | 3.516   | 760     | 7.855   | 145% | 223% | 1034% |
| 11. Lợi nhuận khác                         | -2.509  | 400     | 1.462   | -1.090  |      |      |       |
| 12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế      | 128.149 | 131.992 | 108.925 | 122.623 | 96%  | 93%  | 113%  |
| 13. Chi phí thuế TNDN hiện hành            | 10.617  | 10.698  | 8.994   | 15.495  |      |      |       |
| 14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại             | 0       | 0       | 0       | 0       |      |      |       |
| 15. Lợi nhuận sau thuế TNDN                | 117.532 | 121.294 | 99.931  | 107.128 | 91%  | 88%  | 107%  |